

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA CÁC CƠ SỞ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2007 CỦA TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Hồng Ngọc^(*)

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA

Thực hiện Quyết định số 187/2006/QĐ-TTg ngày 15/08/2006 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp (CSKTHCSN) năm 2007. Cuộc Tổng điều tra lần này bao hàm nhiều nội dung phức tạp hơn và liên quan đến tất cả các cấp, các ngành như phương án của Ban chỉ đạo Trung ương đã ban hành.



Nghiệm thu phiếu Tổng điều tra CSKTHCSN 2007

Xác định tầm quan trọng của cuộc Tổng điều tra, Ban chỉ đạo tỉnh ngay sau khi được thành lập đã xúc tiến thực hiện những công việc trọng tâm theo đúng hướng dẫn của BCĐ Trung ương, bám sát và thực hiện đúng kế hoạch chỉ đạo của trên từ giai đoạn chuẩn bị ban đầu (tháng 3/2007) đến khi được BCĐ TW về nghiệm thu (6/11/2007).

Trong công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra này, tỉnh Vĩnh Long có những mặt thuận lợi và khó khăn sau:

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp Lãnh đạo Đảng và Chính quyền địa phương mà cụ thể là Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 21/03/2007 Chủ tịch UBND Tỉnh Vĩnh Long và Công văn chỉ đạo số 255-CV/TU 6/6/2007 của Thường trực tỉnh ủy về việc lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt tổng điều tra các CSKTHCSN năm 2007 trên địa bàn tỉnh nhà. Chính vì vậy mà các ngành, các cấp từ tỉnh đến huyện thị, xã phường đều nắm được tầm quan trọng của cuộc tổng điều tra, xem đây là công tác trọng tâm của đơn vị mình trong tháng 7-8/2007; tích cực chỉ đạo thực hiện và cộng tác cùng với BCĐ tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao.

- UBND các huyện thị đều ban hành các Chỉ thị để các ngành, các cấp của huyện thị và các xã phường thị trấn thực hiện tốt cuộc tổng điều tra.

- Các Sở ngành cấp tỉnh đều có sự cộng tác, hỗ trợ về mọi mặt với BCĐ tỉnh nhất là các Sở ngành có lãnh đạo tham gia vào trong BCĐ tỉnh như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Cục thuế, Sở Thương mại - Du lịch, Sở Công nghiệp, Ban quản lý các Khu Công nghiệp, Văn phòng UBND tỉnh từ khâu cung cấp các danh sách, mục lục các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, mã số thuế các doanh nghiệp ... đến việc tham gia chỉ đạo các địa bàn trọng điểm, nên công tác thực hiện điều tra sát, đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ, không bỏ sót các đối tượng điều tra.

^(*) Cục trưởng Cục Thống kê Vĩnh Long, Phó Ban chỉ đạo TĐT tỉnh Vĩnh Long.

- Đài phát thanh truyền hình tỉnh và huyện thị thực hiện rất tốt công tác tuyên truyền vì vậy mọi đối tượng điều tra đều nắm được nội dung, mục đích, ý nghĩa của cuộc tổng điều tra, sẵn sàng cung cấp các thông tin cho điều tra viên một cách kịp thời, đúng yêu cầu điều tra. Công tác tuyên truyền được thực hiện nghiêm túc trước và trong giai đoạn điều tra, tất cả các hội nghị triển khai về Quyết định, phương án, nghiệp vụ điều tra đều có sự tham dự đầy đủ Báo Vĩnh Long, Đài phát thanh truyền hình Vĩnh Long, Thông tấn xã Việt nam (Phân xã Vĩnh Long) để đưa tin, bài lên báo, lên tuyên hình để phổ biến sâu rộng cuộc Tổng điều tra CSKTHCSN; Các áp phích tuyên truyền do Trung ương gửi về đều được phát cho các xã phường và huyện thị dán ở các khu vực đông dân cư, chợ, UBND các xã phường, huyện thị để người dân thấy và biết được cuộc tổng điều tra. Các băng rôn lớn để treo ở khu vực thị xã Vĩnh Long là địa bàn trọng điểm, trung tâm văn hóa chính trị của tỉnh có số lượng cơ sở kinh tế đông.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền đã đem lại kết quả khá tốt; các đối tượng điều tra nhất là khu vực tư nhân, cá thể đều nắm được mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra CSKTHCSN; từ đó cộng tác với điều tra viên và yên tâm khai báo, cung cấp thông tin cho cuộc Tổng điều tra.

- Luôn có sự chỉ đạo thường xuyên và hướng dẫn nghiệp vụ kịp thời của Tổ thường trực Ban chỉ đạo Trung ương; Tổ thường trực giúp việc cho BCD tỉnh trong thực hiện TĐT có nghiệp vụ vững vàng, kịp thời thông báo và hướng dẫn những nghiệp vụ bổ sung của Trung ương đến Tổ thường trực các huyện thị và điều tra viên.

- Ban chỉ đạo tỉnh có kế hoạch chỉ đạo cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh tương đối hợp lý và khoa học trong từng giai đoạn cụ thể từ khâu chuẩn bị ban đầu đến việc thực hiện công tác tuyển chọn điều tra viên, tuyên truyền, hướng dẫn tập huấn nghiệp vụ điều tra, kiểm tra giám sát, nghiệm thu nhận bàn giao tài liệu. Để đảm bảo chất lượng của cuộc Tổng điều tra CSKTHCSN, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo và tuyển chọn, phân công lực lượng chuyên viên trong tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và các huyện, thị xã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác điều tra thu thập thông tin ở các cơ sở kinh tế cá thể của các điều tra viên.

- Tất cả các hội nghị triển khai nghiệp vụ lập danh sách, điều tra ở các huyện thị đều có sự hỗ trợ và giám sát của Tổ thường trực BCD tỉnh để đảm bảo được tính thống nhất về nghiệp vụ lập danh sách, điều tra, qui trình điều tra.

- Các thành viên BCD tỉnh được phân công thường xuyên bám sát các huyện thị để chỉ đạo uốn nắn kịp thời những sai sót trong giai đoạn điều tra (nhất là những ngày đầu mới ra quân thực hiện TĐT. Trong thời gian điều tra, Ban Chỉ đạo tỉnh đã nhận được rất nhiều ý kiến thắc mắc về nghiệp vụ điều tra của điều tra viên, đội trưởng điều tra và Ban Chỉ đạo huyện, thị xã. Các ý kiến phong phú và vô cùng thiết thực cho việc thực hiện cuộc Tổng điều tra. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo tỉnh đã có báo cáo và thường xuyên trao đổi, xin ý kiến Ban Chỉ đạo Trung ương; kịp thời phổ biến và hướng dẫn bổ sung bằng văn bản những thay đổi nghiệp vụ theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương cũng như thống nhất nghiệp vụ điều tra trên phạm vi toàn tỉnh.

- Có sự phân công, phân nhiệm, phạm vi thu thập thông tin rõ ràng nên không bỏ sót đối tượng điều tra so với lập danh sách. Các điều tra viên được tuyển dụng ở các xã chỉ làm nhiệm vụ điều tra các phiếu 02/TĐT (các cơ sở SXKD cá thể) và phiếu 04/TĐT-TG do tương đối đơn giản. Các phiếu còn lại tỉnh mở hội nghị triển khai và giao cho tổ thường trực tỉnh huyện, phối hợp với cán bộ xã và các sở, ngành, doanh nghiệp để tiến hành điều tra các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, các đơn vị hành chính sự nghiệp tỉnh, huyện, xã (bằng 02 phương pháp điều tra trực tiếp và gián tiếp) nên không có sự điều tra chồng chéo, đảm bảo thời gian và chất lượng phiếu điều tra.

- Việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí tổng điều tra CSKTHCSN của Ban chỉ đạo Trung ương rõ ràng (Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính và công văn số 341/TCTK-KHTC ngày 21/5/2007 của Ban chỉ đạo Trung ương và công văn số 428/TCTK-KHTC ngày 29/6/2007 của Vụ Kế hoạch Tài chính), kinh phí cấp phát cho điều tra viên tương đối đầy đủ và kịp thời; định mức chi thù lao cho điều tra viên có tăng (do tăng đơn giá ngày công)... là một động lực quan trọng kích thích điều tra viên nỗ lực phấn đấu trong công tác điều tra

2. Khó khăn

- Cuộc tổng điều tra có tính phức tạp cao, vì vậy yêu cầu phải tuyển chọn điều tra viên là người có trình độ nhất định, am hiểu địa bàn và có thể tiếp thu tốt về nghiệp vụ điều tra; nhưng thực tế là rất khó khăn vì người có trình độ và đồng ý cộng tác làm điều tra viên ít vì vậy điều tra viên được tuyển chọn có trình độ không đồng đều,

thậm chí có một số điều tra viên không tiếp thu được nghiệp vụ điều tra dẫn đến phiếu điều tra bị sai sót phải kiểm tra uốn nắn nhiều lần.

- Số lượng điều tra viên phân bổ theo định mức cho tỉnh ít nên ảnh hưởng thời gian điều tra thu thập thông tin. Khó khăn lớn nhất trong khâu này là do số lượng điều tra viên ít (có xã chỉ có một điều tra viên, do số lượng cơ sở ít) nên điều tra viên ở ấp khóm này khi đi điều tra địa bàn thuộc ấp khóm khác gặp rất nhiều khó khăn vì không thể am hiểu hết địa bàn điều tra. Do số lượng điều tra viên ít nên số lượng đội trưởng cũng ít; toàn tỉnh có 107 xã/phường/thị trấn, 846 ấp, khóm nhưng chỉ có 65 đội trưởng điều tra, một đội trưởng phải phụ trách nhiều xã nên không thể theo dõi và kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ cho tất cả các điều tra viên thường xuyên, kịp thời đúng như qui định.

- Công tác nhận dạng đơn vị (cơ sở) ở khâu lập danh sách gặp nhiều khó khăn. Điều tra viên còn gặp phải một số sai sót nhất định như còn nhầm lẫn giữa doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, không tiếp cận được hết tất cả các chủ cơ sở nên có trường hợp thực tế doanh nghiệp thực tế đã giải thể, không còn hoạt động nhưng vẫn đưa vào lập danh sách điều tra (do còn bằng hiệu); khái niệm cơ sở trong khối sản xuất kinh doanh thuộc doanh nghiệp còn trừu tượng nên điều tra viên còn bỏ sót đối tượng điều tra là các chi nhánh thuộc khối doanh nghiệp và ở những cơ sở kinh tế cá thể sản xuất kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau (nhiều cơ sở kinh doanh cùng địa điểm). Việc xác định cơ sở để lập danh sách điều tra đối với những cơ sở kinh doanh ở vỉa hè, lòng đường chưa thật sự đầy đủ.

- Cuộc Tổng điều tra CSKTHCSN lần này được áp dụng theo ngành kinh tế mới (VCIS 2007).

- Do yêu cầu công việc của các ngành có cán bộ tham gia vào Tổ thường trực của BCD tỉnh và huyện nhiều, nên mức độ tham gia ít (chỉ có ở giai đoạn điều tra ban đầu) nên phần lớn công việc ở giai đoạn kiểm tra nghiệm thu do Ngành Thống kê đảm nhiệm nên rất vất vả.

II. KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA

Kết quả của cuộc Tổng điều tra CSKTHCSN lần này cho phép đánh giá sơ bộ sự phát triển toàn diện của tỉnh qua 5 năm (mốc so sánh là Tổng điều tra năm 2002). Kết quả sơ bộ một số chỉ tiêu chủ yếu của cuộc tổng điều tra này trên địa bàn tỉnh như sau:

- Tổng số cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có đến ngày 01/07/2007 là 60.758 cơ sở, so với năm 2002 tăng 18.769 cơ sở (tăng 44,69%), trong đó các cơ sở kinh tế tăng 17.696 cơ sở (tăng 44,32%).

Về cơ cấu, cơ sở kinh tế cá thể là chủ yếu, chiếm 92,15% trong tổng số CSKTHCSN và chiếm đến 97,18% trong tổng số các cơ sở kinh tế; Đơn vị hành chính sự nghiệp chiếm 5,18%; doanh nghiệp, chi nhánh chiếm 2,68%. Cơ cấu này nhìn chung không có sự thay đổi lớn so với kết quả tổng điều tra 2002, chỉ có doanh nghiệp và chi nhánh tăng khá so với năm 2002 (cơ cấu doanh nghiệp và chi nhánh năm 2002 là 1,82%) do số lượng doanh nghiệp những năm gần đây phát triển khá mạnh.

Mật độ cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp của tỉnh thấp và phân bố không đều. Mật độ phân bố chung của toàn tỉnh là 41 cơ

sở/km² đất tự nhiên. Mật độ cơ sở kinh tế phân bố không đều trên các đơn vị hành chính: cao nhất là Thị xã Vĩnh Long 297 cơ sở/km² huyện Long Hồ 44 cơ sở/km², huyện Mang Thít 39 cơ sở/km², huyện Bình minh 40 cơ sở/km², huyện Tam Bình 25 cơ sở/km², huyện Trà Ôn là 26 cơ sở/km² và huyện Vũng Liêm là 29 cơ sở/km².

- Số lao động trong các cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp có đến 1/7/2007 của toàn tỉnh là 169.056 người, chiếm 23,33% nguồn lao động xã hội của tỉnh. Tỷ lệ này cho thấy cơ cấu lao động của tỉnh đã có sự chuyển dịch đáng kể từ nông nghiệp sang các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ (tỷ lệ này năm 2002 là 16,35%).

So với kết quả tổng điều tra năm 2002 thì số lao động trong các cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp đã tăng thêm 57.966 người (tăng 52,18%), trong đó riêng lao động của các cơ sở kinh tế tăng 51.020 người (tăng 57,93%). Bình quân 1 cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp có 2,78 lao động, bình quân 1 cơ sở kinh tế có 2,41 lao động (tỷ lệ này năm 2002 là 2,2 lao động).

1. Về doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp

Tổng số doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp và trực thuộc đơn vị hành chính sự nghiệp có đến ngày 1/7/2007 là 1.627 cơ sở, với tổng số lao động là 35.218 người, so với năm 2002 số cơ sở tăng 474 cơ sở, lao động tăng 18.321 người. Bình quân 1 doanh nghiệp và cơ sở phụ thuộc có 21,65 lao động (năm 2002 là 14,6 lao động); điều này cho thấy qui mô về số lao động trong các doanh nghiệp ngày một tăng cao do qui mô SXKD được mở rộng.

Nếu chia theo ngành hoạt động chính thì doanh nghiệp và chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp là 425 cơ sở, chiếm tỉ trọng 26,12%; xây dựng là 138 cơ sở chiếm tỉ trọng 8,48%; giao thông vận tải là 51 cơ sở, chiếm tỉ trọng 3,13%; thương nghiệp - khách sạn nhà hàng - du lịch là 709 cơ sở, chiếm tỉ trọng 43,58% và các ngành dịch vụ còn lại là 304 cơ sở, chiếm tỉ trọng 18,68%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp thì số doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc có đến 1/7/2007 là: doanh nghiệp nhà nước Trung ương có 243 cơ sở, chiếm tỉ trọng 14,94%; doanh nghiệp nhà nước địa phương là 20 cơ sở, chiếm tỉ trọng 1,23%; Công ty cổ phần, Công ty TNHH có vốn của Nhà nước trên 50% là 31 cơ sở (kể cả các đơn vị chi nhánh), chiếm tỉ trọng 1,9%; Hợp tác xã có 34 cơ sở, chiếm tỉ trọng 2,09%; doanh nghiệp tư nhân có 848 cơ sở, chiếm tỉ trọng 52,12%; Công ty TNHH tư nhân có 269 cơ sở, chiếm tỉ trọng 16,53%; Công ty cổ phần không có vốn của nhà nước có 39 cơ sở, chiếm tỉ trọng 2,39%; cơ sở sản xuất kinh doanh phụ thuộc các cơ quan, đoàn thể,

hiệp hội có 92 cơ sở, chiếm tỉ trọng 5,65%. Ngoài ra còn có 4 cơ sở thuộc các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, và 3 cơ sở thuộc các doanh nghiệp khác liên doanh với nước ngoài

So với tổng điều tra doanh nghiệp năm 2002 thì số lượng doanh nghiệp và chi nhánh tăng ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước (doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH) và tăng ở ngành thương mại, dịch vụ là chủ yếu

2. Về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

- Tổng số đơn vị sản xuất kinh doanh cá thể có địa điểm xác định và thu thập được qua tổng điều tra có đến ngày 01/7/2007 là 55.986 cơ sở. Chia ra: Ngành công nghiệp có 10.107 cơ sở, chiếm 18,05%; ngành xây dựng có 509 cơ sở, chiếm 0,91%; ngành giao thông vận tải có 5.029 cơ sở, chiếm 8,98%; ngành thương nghiệp, khách sạn nhà hàng, du lịch có 33.970 cơ sở, chiếm 60,68%; các ngành dịch vụ còn lại 6.371 cơ sở, chiếm tỉ trọng 11,38%.

Bảng 1: Số cơ sở kinh tế cá thể và cơ cấu theo ngành kinh doanh

Ngành kinh tế	Tổng số cơ sở		Cơ cấu (%)	
	Năm 2002	Năm 2007	Năm 2002	Năm 2007
TỔNG SỐ	38711	55986	100,00	100,00
- Công nghiệp	5293	10107	13,67	18,05
- Xây dựng	70	509	0,18	0,91
- Giao thông vận tải	5376	5029	13,89	8,98
- Thương mại, dịch vụ	27972	40341	72,26	72,06

Trong tổng số các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có 15.377 cơ sở có đăng ký kinh doanh, chiếm 27,47%; số còn lại là các hộ nhỏ và kinh doanh các ngành nghề thuộc diện không phải đăng ký kinh doanh. Số cơ

sở có đóng thuế giá trị gia tăng là 12.782 cơ sở chiếm 22,83% trong tổng số hộ.

So với Tổng điều tra CSKTHCSN năm 2002, tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có địa điểm cố định tăng 17.275 cơ sở

(tăng 44,63%), chưa kể số hộ vận tải không có địa điểm cố định không đưa vào đối tượng của cuộc tổng điều tra lần này. Số cơ sở chủ yếu tăng đều ở các ngành công thương nghiệp dịch vụ. Sở dĩ có sự gia tăng mạnh mẽ số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể này là do chủ trương của tỉnh đẩy mạnh việc quy hoạch, xây dựng chợ ở nông thôn;

các ngành nghề gia công sản xuất tiểu thủ công nghiệp như; đan thảm lục bình, se lõi lác, kết cườm... phát triển rất mạnh nhờ vào hệ thống giao thông nông thôn hiện nay đã phát triển rộng khắp đến ấp, xóm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh công thương nghiệp dịch vụ cá thể.

Bảng 2: Số liệu về các cơ sở kinh tế cá thể phân theo địa bàn

STT	Huyện thị	Năm 2002	Năm 2007	Tăng, giảm	% năm 2007 so 2002
	TỔNG SỐ	38711	55986	17275	144,63
1	Thị xã Vĩnh Long	10557	13116	2559	124,24
2	Huyện Long Hồ	4780	7770	2990	162,55
3	Huyện Mang Thít	3311	5616	2305	169,62
4	Huyện Bình Minh	6083	9048	2965	148,74
5	Huyện Tam Bình	4192	6520	2328	155,53
6	Huyện Trà Ôn	4305	6100	1795	141,70
7	Huyện Vũng Liêm	5483	7816	2333	142,55

- Tổng số lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có đến 01/7/2007 là 103.866 người; trong đó lao động thuê ngoài là 19.062 người, chiếm 18,35%. Lao động hoạt động trong ngành công nghiệp là 29.572 người, chiếm 28,47%; ngành xây dựng là 2.517 người, chiếm 2,42%; ngành giao thông vận tải là 6.743 người, chiếm 6,49%; ngành thương nghiệp, khách sạn nhà hàng, du lịch là 55.992 người, chiếm 53,91%; các ngành dịch vụ còn lại là 9.042 người, chiếm 8,71%.

So với kết quả điều tra năm 2002, số lao động đã tăng thêm 32.699 người (tăng 45,95%) góp phần tạo thêm công ăn việc làm cho lao động của tỉnh.

3. Về các đơn vị hành chính - sự nghiệp, tôn giáo

- Tổng số cơ sở hành chính, sự nghiệp, tôn giáo có đến 01/7/2007 là 3.145 cơ sở. So với Tổng điều tra năm 2002 thì số đơn vị hành chính, sự nghiệp và tôn giáo tăng 1.073 đơn vị (tăng 51,78%).

- Tổng số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp - tôn giáo có đến 01/7/2007 là 29.972 người; trong đó nữ: 13.395 người, chiếm 44,69%.

So với Tổng điều tra CSKTHCSN năm 2002 thì tổng số lao động tăng 6.753 người (tăng 30,15%), trong đó lao động nữ tăng 3.308 người (tăng 32,79%).

3.1. Đơn vị hành chính - sự nghiệp

Tổng số đơn vị hành chính sự nghiệp của tỉnh có đến ngày 1/7/2007 là 2.590 đơn vị.

Chia ra: Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp là 9, chiếm 0,35%; Cơ quan hành pháp: 766, chiếm 29,57%; Cơ quan tư pháp 21, chiếm 0,81%; đơn vị sự nghiệp: 1.401, chiếm 54,09%; đơn vị sự nghiệp bán công và tư thực là 12, chiếm 0,46%; tổ chức chính trị: 149, chiếm 5,75%; tổ chức chính trị xã hội: 159 chiếm 6,14%; tổ chức xã hội nghề

ng nghiệp: 31, chiếm 1,19%; tổ chức xã hội: 42 chiếm 1,62%.

Chia theo cấp quản lý thì số đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc cấp tỉnh quản lý là 165 đơn vị, chiếm tỉ lệ 6,37%; đơn vị hành chính sự nghiệp cấp huyện thị và xã, phường thị trấn là 2.425 cơ sở, chiếm tỉ lệ 93,63%.

Bảng 3: Số cơ sở hành chính sự nghiệp chia theo đơn vị hành chính

STT	Huyện thị	Năm 2002	Năm 2007	Tăng, giảm	% năm 2007 so 2002
	TỔNG SỐ	1657	2590	933	156,31
1	Thị xã Vĩnh Long	336	424	88	126,19
2	Huyện Long Hồ	220	370	150	168,18
3	Huyện Mang Thít	171	306	135	178,95
4	Huyện Bình Minh	257	408	151	158,75
5	Huyện Tam Bình	223	335	112	150,22
6	Huyện Trà Ôn	195	322	127	165,13
7	Huyện Vũng Liêm	255	425	170	166,67

3.2. Cơ sở tôn giáo: Tổng số cơ sở tôn giáo có đến ngày 1/7/2007 của tỉnh là 555 cơ sở, tăng 145 cơ sở so với năm 2002.

III. KIẾN NGHỊ

Để rút kinh nghiệm cho việc tổ chức chỉ đạo các cuộc tổng điều tra lớn cho những năm tiếp theo, Cục Thống kê Vĩnh Long xin có một số kiến nghị đối với Tổng cục Thống kê như sau :

1. Cần chú trọng nhiều đến công tác tuyển chọn điều tra viên, đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng của điều tra viên cũng như đội trưởng điều tra. Khi thực hiện tổng điều tra thì không thể dựa vào tổng số lượng cơ sở (hoặc đối tượng điều tra) của tỉnh/thành phố để tính bình quân số lượng điều tra viên và đội trưởng điều tra cần

trung dụng mà cần phải xét đến số lượng các đơn vị hành chính (ấp, khóm) điều kiện địa lý, điều kiện tự nhiên (thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa...) của từng tỉnh, thành phố để phân bổ số lượng điều tra viên cho phù hợp; ít nhất thì mỗi một ấp/khóm phải có 1 điều tra viên (vì là người tại địa phương thì mới có thể am hiểu địa bàn và việc tiếp xúc với đối tượng điều tra thuận lợi dễ dàng; mỗi 1 xã/phường ít nhất cũng phải có 1 đội trưởng điều tra (vì người của xã này không thể làm đội trưởng phụ trách các điều tra viên là người của các xã khác).

2. Việc điều tra thí điểm để rút kinh nghiệm trước khi hoàn chỉnh phương án, biểu mẫu và có quyết định điều tra chính thức nên được thực hiện đều ở các vùng trong phạm vi cả nước vì mỗi vùng đều có

những đặc thù riêng về phong tục tập quán, phương thức sản xuất kinh doanh khác nhau... nên không thể lường hết được những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều tra thực tế.

3. Việc xác định số lượng cơ sở để in ấn số lượng từng loại phiếu điều tra cho phù hợp cần được thực hiện theo dự trù của từng tỉnh/thành phố, tránh trường hợp thừa loại phiếu này những thiếu loại phiếu điều tra khác.

4. Nên dành thời gian cho công tác chuẩn bị điều tra, có kế hoạch điều tra phù hợp để tỉnh có thể chủ động trong việc tổ chức, chỉ đạo tổng điều tra.

5. Vì phải sử dụng số lượng điều tra viên nhiều trong tổng điều tra, trong khi trình

độ điều tra viên không đồng đều, còn nhiều hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ ... nên nội dung điều tra, chỉ tiêu điều tra cần bỏ bớt các chỉ tiêu nặng về chất lượng, tăng chỉ tiêu số lượng và các chỉ tiêu định tính thì điều tra viên mới có khả năng khai thác thông tin ghi vào phiếu điều tra ít sai sót và phù hợp với thực tế.

6. Các thông báo, hướng dẫn bổ sung, thay đổi về nghiệp vụ điều tra của Trung ương gửi cho tỉnh cần kịp thời, nhanh chóng để tỉnh có thời gian hướng dẫn cho điều tra viên và hoàn thiện phiếu điều tra.

7. Kinh phí của tổng điều tra cần dự trù tăng thêm ở khoản mục chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ, công tác phí và kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp□